

Số: 372/2018/QĐST-HNGĐ

Thủy Nguyên, ngày 13 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 474/2018/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa:

Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1982 và anh Dương Đức K, sinh năm 1976; đều có địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện T, thành phố H.

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Đ và anh Dương Đức K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và anh Dương Đức K thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị Đ trực tiếp nuôi 02 con tên là Dương Đức C sinh ngày 02/9/2001 và Dương Đức Q sinh ngày 20/12/2009 cho đến khi con đủ 18

tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Đ và anh Dương Đức K tự giao nhận cho nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Đ và anh Dương Đức K có tài sản chung để tự giải quyết với nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Chị Trần Thị Đ nhận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009167 ngày 06/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Chị Trần Thị Đ đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T, thành phố H;
- UBND xã C, huyện V, thành phố H
(Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2000);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhã